

NGHỊ ĐỊNH số 221-CP ngày 29-12-1961 về việc phòng cháy và chữa cháy rừng.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ pháp lệnh quy định việc quản lý của Nhà nước đối với công tác phòng cháy và chữa cháy đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 27 tháng 9 năm 1961;

Đề dấy mạnh công tác phòng cháy và chữa cháy rừng. Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ và ông Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp;

Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp Thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 13 tháng 12 năm 1961;

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. — Rừng là tài sản công cộng. Việc phòng cháy và chữa cháy rừng là nghĩa vụ của mỗi công dân. Ủy ban hành chính và nhân dân địa phương nơi có rừng, có trách nhiệm bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng.

Điều 2. — Các cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường và các lực lượng vũ trang đóng ở nơi sát rừng có trách nhiệm bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng. Thủ trưởng các đơn vị ấy có nhiệm vụ giáo dục, đôn đốc cán bộ, nhân viên, chiến sĩ trong đơn vị thực hiện những điều quy định về phòng cháy rừng và tích cực tham gia chữa cháy rừng.

CHƯƠNG II

CÁC TRƯỜNG HỢP CẤM ĐỐT LỬA TRONG RỪNG

Điều 3. — Cấm đốt lửa trong các khu rừng dễ cháy như: rừng thông, rừng phi lao, rừng long não, rừng bạch đàn, rừng cao su, v.v... rừng có than và các khu gây rừng trồng rừng.

Điều 4. — Cấm đốt nương trong các khu rừng ở đầu nguồn, trong các khu rừng ở ven đường giao thông, khu rừng có nhiều lâm sản quý, khu rừng đang nuôi dưỡng, khu rừng có di tích lịch sử, khu rừng dùng làm cơ sở nghiên cứu khoa học.

Điều 5. — Cấm đốt lửa trong rừng để săn bắn, để hạ cây, để lấy củi, để dọn đường.

CHƯƠNG III

CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC ĐỐT LỬA TRONG RỪNG

Điều 6. — Trong các khu rừng không thuộc phạm vi quy định ở điều 3 và điều 4 trên đây, có thể đốt lửa theo những điều quy định như sau:

— Muốn đốt rừng để làm nương, làm bãi chăn nuôi trâu, bò, phải được phép của Ủy ban hành chính xã nơi có rừng. Trước khi đốt phải dọn đường ranh cản lửa rộng tối thiểu là 5 thước, phải đốt từng đồng nhỏ, đốt ban ngày, lúc gió nhẹ và có bố trí người canh gác để phòng lửa cháy lan.

— Muốn đốt lửa để đun nấu, sưởi ấm trong rừng, phải tránh chỗ có nhiều lá khô, rác vụn, bụi rậm, và khi dùng lửa xong phải dập tắt hết tàn lửa.

— Muốn đốt lửa để hun tổ ong, hun chuột ở trong rừng, không được để lửa bén thành ngọn, tránh cháy lan.

— Muốn đốt than hầm, than hoa ở trong rừng phải được cơ quan Lâm nghiệp địa phương cho phép và phải thi hành đúng điều lệ khai thác rừng. Trước khi đốt phải báo cho Ủy ban hành chính xã nơi có rừng biết và phải dọn đường ranh cản lửa xung quanh lò rộng tối thiểu là 5 thước; lúc đốt phải che dây lò không để tàn than bay ra ngoài.

Điều 7. — Muốn đốt bờ ruộng ở ven rừng, phải dọn một đường ranh cản lửa rộng ít nhất là 2 thước về phía rừng. Phải đốt từng đồng nhỏ, đốt ban ngày, lúc gió nhẹ và bố trí người canh gác để phòng lửa cháy lan.

CHƯƠNG IV

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN CAO THỂ, ĐƯỜNG XE LỬA VÀ CÁC LOẠI XE CHẠY BẰNG THAN ĐI QUA RỪNG

Điều 8. — Muốn đặt đường dây điện cao thể đi qua rừng, phải được sự thỏa thuận của cơ quan Lâm nghiệp từ cấp tỉnh trở lên.

Cơ quan quản lý đường dây điện cao thể chạy qua rừng, phải thường xuyên kiểm tra đường dây đó, không để cây và cành cây sà hoặc đổ vào dây điện.

Điều 9. Ở những đoạn đường sắt đi qua rừng, Tổng cục Đường sắt có trách nhiệm:

— Cùng với Tổng cục Lâm nghiệp quy định cụ thể những đoạn đường cần phải làm đường ranh cản lửa. Đường ranh cản lửa phải làm rộng tối thiểu là 5 thước kể từ chân đường sắt vào rừng. Phải thường xuyên phát quang và dọn sạch những lau sậy tranh và những bụi cây khác để làm mờ cho lửa cháy lan.

— Quy định những đoạn đường mà tài xế xe lửa được xả than, và trong lúc xả than phải xả nước để làm tắt hẳn tàn lửa.

— Quy định cho hành khách trên xe lửa không được vứt tàn lửa ra rừng.

Điều 10. — Các loại xe chạy bằng than khi qua rừng, không được đổ than lửa ra đường, không được ngừng lại để đánh lò ở những nơi có bụi rậm, lau cọ, cành lá khô dễ bốc cháy. Trong trường hợp

Tủ: 84-8-3045 6684 * www.ThuocPhap.com

thật cần thiết phải ngừng xe lại để đánh lò, thì phải chọn những chỗ rừng quang, và khi đánh lò xong phải dập tắt hẳn than lửa rơi vãi ra đường.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 11. — Ủy ban hành chính các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy rừng trong phạm vi địa phương mình dưới sự hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Tổng cục Lâm nghiệp và của Ủy ban hành chính cấp trên.

Điều 12. — Ủy ban hành chính xã, thị xã, thị trấn nơi có rừng có trách nhiệm hướng dẫn nhân dân xây dựng quy ước phòng cháy và chữa cháy rừng, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy ước ấy, thành lập các đội phòng cháy và chữa cháy có tính chất nghĩa vụ của địa phương.

Điều 13. — Các cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường đóng sát nơi có rừng hoặc có đất những hộ phận ở luôn trong rừng phải thành lập các đội phòng cháy và chữa cháy có tính chất nghĩa vụ trong đơn vị mình, phải có kế hoạch phối hợp với nhân dân địa phương trong việc chữa cháy rừng. Ở các khu rừng có giá trị kinh tế lớn, Tổng cục Lâm nghiệp có thể thành lập các đội chữa cháy rừng chuyên nghiệp.

CHƯƠNG VI

THƯỞNG, PHẠT

Điều 14. — Đơn vị hoặc cá nhân có thành tích trong việc phòng cháy và chữa cháy rừng sẽ được khen thưởng.

Người nào tham gia chữa cháy rừng mà bị thiệt hại về tài sản riêng hoặc bị thương tật sẽ được Ty Lâm nghiệp ở địa phương xét, bồi thường. Tiền bồi thường trích vào quỹ lâm nghiệp địa phương.

Điều 15. — Người nào vi phạm những điều quy định trong nghị định này, tùy theo trách nhiệm nặng nhẹ sẽ bị thi hành kỷ luật hành chính, bị xử phạt theo thể lệ quản lý trị an, hoặc bị truy tố theo pháp luật.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. — Ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ, ông Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp hướng dẫn thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 1961

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

PHỦ THỦ TƯỚNG

QUYẾT ĐỊNH số 490-TTg ngày 20-12-1961 ban hành chế độ báo cáo định kỳ thống kê tình hình tăng giảm của 14 loại thiết bị sau điều tra.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ kết quả điều tra thiết bị tháng 11 năm 1961 và nhu cầu quản lý thiết bị để lập kế hoạch phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng.

Căn cứ vào quyết định số 452-TTg ngày 30 tháng 11 năm 1961 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo định kỳ thống kê cung cấp vật tư kỹ thuật:

Theo đề nghị của ông Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành chế độ báo cáo định kỳ thống kê tình hình tăng giảm của 14 loại thiết bị sau điều tra (báo cáo quý và năm), để bổ sung cho chế độ báo cáo định kỳ thống kê cung cấp vật tư kỹ thuật đã ban hành theo quyết định số 452-TTg ngày 30 tháng 11 năm 1961 của Thủ tướng Chính phủ. Nội dung báo cáo là:

«Biểu 06-VT: Tình hình tăng giảm của 14 loại thiết bị sau điều tra».

Điều 2. — Ông Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê có trách nhiệm giải thích nội dung, hướng dẫn phương pháp tính toán, ghi báo biểu mẫu nói trên, đồng thời theo dõi, đôn đốc thực hiện và tổng hợp báo cáo của các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các đoàn thể nhân dân ở trung ương. Các ông Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban hành chính các khu, thành, tỉnh có trách nhiệm giải thích hướng dẫn nội dung, phương pháp tính toán, ghi báo biểu mẫu nói trên cho các đơn vị trực thuộc có sử dụng, quản lý thiết bị, đồng thời có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện tổng hợp, báo cáo cho Tổng cục Thống kê để Tổng cục Thống kê làm báo cáo trình lên Chính phủ.

Ban phụ trách các đơn vị có sử dụng, quản lý thiết bị có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo này theo đúng yêu cầu, nội dung và thời hạn đã quy định.

Điều 3. — Chế độ báo cáo này thi hành từ nay cho đến khi có quyết định mới.

Điều 4. — Các ông Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các đoàn thể nhân dân ở trung ương, ông Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính các khu, thành phố, tỉnh, các ông Thủ trưởng các đơn vị có sử dụng, quản lý thiết bị có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 1961

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LE THÀNH NGHỊ